

Văn mẫu lớp 10: Cảm nghĩ bài thơ Khe chim kêu

Dàn ý Cảm nghĩ bài thơ Khe chim kêu

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Vương Duy (701 - 761) tự là Ma Cật, quê ở đất Kì, Thái Nguyên (nay thuộc tỉnh Sơn Tây). Suốt đời làm quan nhưng ông thường sống ẩn dật. Sùng tín đạo Phật, thơ ông mang đậm ý vị Thiền. Cho nên, ông còn được mệnh danh là “thi Phật”.
2. Với hơn 400 bài hiện còn lại, thơ Vương Duy mang phong cách trang nhã và bình đạm. Thơ ông cũng gần gũi với mọi người bởi nó là những bức tranh đẹp của thiên nhiên.
3. Bài thơ Điều minh giản là một tác phẩm tiêu biểu của Vương Duy. Nó thể hiện sự bình yên của tâm hồn trong khung cảnh thiên nhiên tĩnh lặng.

II. RÈN KĨ NĂNG

1. Cây quế cành là sum suê nhưng hoa thì rất nhỏ. Nhưng nhà thơ lại cảm nhận được cả “hoa quế rụng”. Chi tiết ấy cho thấy không gian của buổi đêm vô cùng yên tĩnh. Đồng thời nó cũng cho thấy sự tinh tế, bình yêu, tĩnh lặng trong tâm hồn thi nhân.

2. Mối quan hệ giữa cái động và tĩnh trong bài thơ

Hoa quế rất nhỏ vậy mà vẫn nghe tiếng rụng. Trăng lên không tiếng mà lại làm cho “chim núi giật mình”. Tất cả là vì đêm rất lặng và tâm hồn con người cũng lặng. Cái tĩnh của đêm ở đây lại được cảm nhận qua cái động của những âm thanh khẽ khàng. Sau vài tiếng kêu thưa thớt của “sơn điều” đêm lại càng tĩnh lặng. Cái tĩnh lặng của đêm và của lòng người.

3. Có thể lột tả bài thơ bằng một câu như sau

Trong Điều minh giản, Vương Duy đã lấy cái động khẽ khàng của đêm để thể hiện cái tĩnh lặng trong trẻo của tâm hồn con người.

Văn mẫu lớp 10: Cảm nghĩ bài thơ Khe chim kêu

Vương Duy (701 - 761) là một trong những nhà thơ nổi tiếng đời Đường, tự là Ma Cật, người đất Kì, Thái Nguyên (nay thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc). Năm 21 tuổi ông đỗ tiến sĩ, ra làm quan, nhưng có một thời gian dài ông sống như người ẩn dật, "mỗi lần bãi triều về là đốt hương ngồi một mình, đọc kinh niệm Phật". Thơ Vương Duy thuộc loại thơ điền viên sơn thủy. Cảnh sắc thiên

nhiên trong thơ ông mang tính chất thanh nhàn, yên tĩnh, giàu chất hoạ, mỗi bài thơ là một bức hoạ

Điều mình giản là bài thơ khá tiêu biểu cho phong cách thơ Vương Duy : cảnh vật thiên nhiên vô cùng yên tĩnh, thơ giàu chất hoạ, âm thanh lại rất sinh động. Bài thơ vẽ nên một bức tranh thiên nhiên trong sáng nhưng gợi buồn.

Nhân nhàn quế hoa lạc

Dạ tĩnh xuân sơn không.

(Người nhàn, hoa quế rụng

Đêm yên tĩnh, non xuân vắng không)

Người sống trong cảnh nhàn hạ, đó là cuộc sống của người ẩn sĩ. Hoa quế là loài hoa rất nhỏ, nên hoa rụng không gây nên sự thanh động nào cả. Cảnh vật vẫn rất nhẹ nhàng và thanh cao. Một khung cảnh thiên nhiên trữ tình, một bức tranh sơn thủy đáng yêu. Cảnh và người thật hoà hợp, người thì nhàn nhã, cảnh thì thanh tao, những bông hoa li ti nhẹ rơi càng làm tăng thêm vẻ tĩnh mịch. Đêm đã yên tĩnh, đêm trên núi vắng vào mùa xuân lại càng tĩnh lặng hơn. Một chữ "tĩnh" và một chữ "không" cộng hưởng để làm bật lên sự tịch mịch của đêm trên núi vắng. Không gian ở đây là núi chứ không phải "đồi". Ngô Tất Tố dịch câu này chưa sát nghĩa lắm. "Tĩnh" cũng khác với "vắng tanh". Cảnh vật ở hai câu đầu thiên về vẻ tĩnh và tối. Một đêm mùa xuân yên tĩnh và thanh tao.

Nhưng đến hai câu sau, không gian đột ngột có sự thay đổi, tưởng như trái ngược với cảnh ở hai câu trên.

Nguyệt xuất kinh sơn Diểu,

Thời minh Xuân giản trung.

Ánh trăng ló lên làm chim núi giật mình

Thỉnh thoảng hót trong khe núi.

Đó là sự xuất hiện của âm thanh và ánh sáng. Ánh sáng của trăng xuân đã lên và âm thanh của tiếng chim núi giật mình. Tưởng như cảnh sáng hơn và động hơn, nhưng thực ra ánh sáng và âm thanh chỉ đủ sức làm nổi bật hơn sự tĩnh lặng của đêm trên núi vắng. Trăng làm tăng vẻ huyền ảo, tiếng chim "thỉnh thoảng cất tiếng kêu trong khe suối" càng làm rõ hơn cái tĩnh của đêm. Một bức tranh sơn thủy hữu tình, yên tĩnh nhưng không quá buồn. Trăng lên và tiếng chim kêu được miêu tả thật sinh động, giàu sức gợi. Nhà thơ đã dùng ánh sáng để miêu tả đêm tối, dùng âm thanh để miêu tả cái tĩnh lặng. Đây cũng là một

thủ pháp nghệ thuật khá quen thuộc của thơ ca đời Đường. Khung cảnh thiên nhiên như thoát tục, gợi đến một cuộc sống thanh thản và nhàn nhã chốn điền viên sơn dã. Điểm nổi bật của bức tranh này là hình ảnh một tao nhân mặc khách đang muốn lánh chốn bụi trần để tịnh tâm.

Với Điều minh giản, Vương Duy không hổ danh là nhà thơ đứng đầu của phái thơ điền viên sơn thủy đời Đường, thơ và họa hoà hợp làm nên vẻ đẹp cho thi phẩm. Thơ điền viên sơn thủy của Vương Duy khiến cho người đọc cảm nhận được vẻ tao khiết của tâm hồn.

Bài làm 2

Đối với lịch sử Trung Hoa cổ đại, thời Đường có thể xem là thời đại thịnh thế với sự phát triển tột bậc trên tất cả các phương diện bao gồm kinh tế, chính trị, xã hội và đặc biệt là văn hóa. Trong đó phải kể đến sự nở rộ rực rỡ của thi ca với sự xuất hiện một loạt các nhà thơ lớn cùng thể thơ Đường luật trứ danh. Nổi tiếng nhất là tứ trụ của thơ Đường bao gồm Thi tiên - Lý Bạch tài hoa, lãng mạn, Thi thánh - Đỗ Phủ khắc họa hiện thực đỉnh cao, Thi quý - Lý Hạ, với lối thơ kỳ dị, khó hiểu, còn Thi Phật - Vương Duy lại tạo riêng cho mình lối thơ điền viên và thiên tịnh. Có thể nói Vương Duy là nhà ngôn ngữ hội họa tài ba, thơ ông không tả nhiều mà chủ yếu chỉ gợi, vẻ đẹp trong thơ ông cũng mang đậm phong thái thủy mặc sơn thiên, trang nhã, đạm mạc, ẩn chứa nhiều triết lý sâu sắc của chốn thiên môn. Khe chim kêu là một trong những bài thơ nổi tiếng nhất của ông với, hầu như mang trong mình đầy đủ phong cách thơ của tác giả.

Vương Duy tài hoa thế nhưng cuộc đời cũng lắm gian truân, cả đời làm quan thế nhưng đường quan lộ không mấy suôn sẻ, nên càng về sau ông càng mất đi chí tiến thủ, quay về với cuộc sống dân dã, gần gũi thiên nhiên, viết thơ vẽ tranh, niệm Phật. Sáng tác của ông có hai giai đoạn bao gồm giai đoạn đầu tích cực với cuộc đời, với sự nghiệp, giai đoạn sau thì xa lánh trần thế, ưa thích gần gũi thiên nhiên, sáng tác theo trường phái "điền viên-sơn thủy". Bài thơ Khe chim kêu chính là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất của giai đoạn sau này. Không chỉ là một nhà thơ tài năng mà Vương Duy còn là một họa sĩ nổi tiếng đời Đường, Tô Đông Pha đã nhận xét: "Thưởng thức thơ Ma Cật, thấy trong thơ có họa, xem họa Ma Cật, thấy trong họa có thơ". Bài thơ với vẻ bề ngoài chỉ đơn thuần họa cảnh thế nhưng sâu xa lại bộc lộ tâm trạng của tác giả, sự thanh thản, tĩnh lặng trong tâm hồn khi giao hòa với thiên nhiên vạn vật, thể hiện sự tinh tế, cùng với chất thiên trong thơ Vương Duy.

"Nhân nhàn quế hoa lạc"

(Người nhàn, hoa quế rụng)

Trong bối cảnh của bài thơ hẳn là tác giả đang chờ trăng lên, với tư thái "nhàn" ở đây nhàn không chỉ biểu lộ trạng thái nghỉ ngơi của thể xác mà quan trọng

hơn đó là trạng thái "nhàn" của tinh thần. Tâm hồn nhà thơ hoàn toàn buông lỏng, thanh thoi và tĩnh tại. Chính bởi có cái tư thái tĩnh lặng trong tâm hồn nên một chuyển biến nhỏ nhoi của nhiên nhiên cũng có thể đánh động tâm hồn của thi sĩ. Hoa quế, không phải là loài hoa to lớn, nhiều hương sắc như hoa sen, hoa hồng cũng không rực rỡ kiêu diễm như phù dung, mẫu đơn mà trái lại, nó nhỏ li ti nên dường như hiếm người có thể cảm nhận được sự biến đổi của nó. Ngoại trừ Vương Duy, trong đêm khuya tịch mịch, rõ ràng cảm nhận bằng thị giác là điều khó khăn, thế nhưng tác giả vẫn nhận biết được cảnh hoa quế rơi rụng đầy sân bằng thính giác. Đó thực sự là tuyệt đỉnh trong phong thái "nhàn" tĩnh tâm của nhà thơ, bởi tâm có yên, lòng có trong sạch thì mới có thể nghe được tiếng hoa quế đáp xuống sân nhà trong một đêm thanh vắng, tối tăm như vậy.

Khung cảnh đêm khuya thanh vắng lại càng được tác giả làm rõ trong câu thơ tiếp theo.

"Dạ tĩnh xuân sơn không"

(Đêm yên tĩnh, non xuân vắng không.)

Vương Duy đã họa nên một buổi đêm vắng lặng và tịch mịch bằng cách thêm vào một nét "xuân sơn không". Rõ ràng đêm vốn đã khuya vắng, nay lại càng thêm phần yên tĩnh tuyệt đối bởi cái chữ "không" ấy, không có gì, không tiếng động, không có sự biến chuyển đáng kể. Ngoại trừ hoa quế, một loài hoa tí ti, nấp trong những cành lá sum xuê, những đóa hoa trắng cứ lặng lẽ rơi rụng trong đêm tối, tưởng chừng không ai phát giác. Chính vì phát hiện tiếng động của hoa quế rơi, mà Vương Duy đã gợi ra một bóng đêm đã yên tĩnh lại càng thêm tịch mịch và cô đọng bằng bút pháp "lấy động tả tĩnh". Đồng thời tự họa nên bức chân dung tâm hồn tĩnh tế, trang nhã, thanh tịnh, một lòng hướng Phật, khơi gợi ra chất thiền tu trong thơ của bản thân.

"Nguyệt xuất kinh sơn điều

Thời minh tại giản trung"

(Trăng lên làm chim núi giật mình

Thỉnh thoảng cất tiếng kêu trong khe suối)

Cuối cùng thì cái bóng trăng thơ mộng, thanh bình mà thi nhân hằng mong đợi cũng chịu xuất hiện. Ở câu thơ này trái lại cái tĩnh xuất hiện trước, hình ảnh trăng lên là biểu hiện cho sự chậm rãi, yên bình, nhưng thú vị ở chỗ có lẽ vì không gian quá tĩnh lặng thế nên trăng dần có lên từ từ, không tiếng động cũng đủ làm lũ chim sắp yên giấc giật mình. Bởi nỗi chúng đã quá quen với sự tịch mịch tuyệt đối trăng lên dần vô thanh, vô thức nhưng cũng lại là một thay đổi

lớn đối với chúng, mà thực tế là đối với thi nhân điều ấy lại càng nhấn mạnh cái sự yên tĩnh của màn đêm. Tiếng chim kêu, cùng với tiếng hoa quế rụng chính là những âm thanh được Vương Duy tinh tế cài vào để màn đêm của ông càng trở nên tĩnh tại. Và đặc biệt rằng những âm thanh rời rạc và nhỏ bé như thế lại càng nhấn mạnh, tô đậm nên cái tính "nhàn" của người thi sĩ. Tác giả chờ trăng, lại nghe được hoa quế rụng, trăng lên chậm rãi chẳng những không làm cho màn đêm sáng rực mà lại vẫn giữ cái vẻ tao nhã, đậm chất thiền, không gian lặng như tờ được gợi lên bằng mấy tiếng chim thảng thốt vọng từ khe núi. Đêm đã yên lại càng yên, lòng người vốn đã thanh tịnh lại càng thêm thanh tịnh tựa như một vị Phật tử, thấu hiểu hồng trần, thấu hiểu vạn vật sinh sôi.

Khe chim kêu vền vền chỉ gồm 23 chữ cả tiêu đề, tuy không tả nhiều cảnh, không chứa đựng nhiều nội dung, nhưng bằng phong cách sáng tác "thi trung hữu họa", Vương Duy đã họa ra hai bức tranh tuy đơn giản nhưng đầy trang nhã. Trước là cảnh màn đêm tịch mịch, thanh nhã, hai là bức tranh tâm hồn thanh tịnh, trong sạch và tinh tế với khả năng nắm bắt cảm nhận thiên nhiên một cách trọn vẹn và tuyệt đối.

Mời bạn đọc cùng tham khảo <https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop10>

